

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Tiểu dự án Hợp phần 3 "Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng"  
tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-BNN-HTQT ngày 11/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án đầu tư "Quản lý thiên tai" (VN-Haz) do WB tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Tiểu dự án Hợp phần 3 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5);

Căn cứ Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tiểu dự án Hợp phần 3 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5);

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 20/05/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 1 Tiểu dự án Hợp phần 3 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5);

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng các công

trình phòng chống thiên tai quy mô nhỏ, huyện Mộ Đức của Tiểu dự án Hợp phần 3 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5);

Căn cứ Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng các công trình phòng chống thiên tai quy mô nhỏ, huyện Nghĩa Hành của Tiểu dự án Hợp phần 3 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5);

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/03/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng các công trình phòng chống thiên tai quy mô nhỏ, huyện Đức Phổ của Tiểu dự án Hợp phần 3 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5);

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 15/03/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 2 Tiểu dự án Hợp phần 3 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5);

Căn cứ Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 14/04/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 3 Tiểu dự án Hợp phần 3 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Tờ trình số 1379/SNNPTNT ngày 30/05/2019; đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 185/BC-STC ngày 11/9/2019,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành**

- Tên dự án Tiểu dự án Hợp phần 3 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5).

- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Địa điểm xây dựng: Tại 10 xã: Đức Thắng, Đức Nhuận và Đức Hiệp huyện Mộ Đức; Hành Thịnh, Hành Thiện, Hành Tín Đông và Hành Tín Tây huyện Nghĩa Hành; Phổ Minh, Phổ Vinh và Phổ Quang huyện Đức Phổ.

- Thời gian thực hiện tháng 2016 - hoàn thành tháng 12/2018.

### **Điều 2. Kết quả đầu tư**

1. Nguồn vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán

<b>Tổng số</b>	<b>35.662.763.000</b>	<b>35.248.664.000</b>	<b>+ 414.099.000</b>
- Vốn vay WB	31.586.571.000	31.504.412.000	+ 82.159.000
- Ngân sách tỉnh	4.076.192.000	3.744.252.000	+ 331.940.000

2. Chi phí đầu tư quyết toán:

*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
<b>Tổng số</b>	<b>40.830.871.000</b>	<b>35.662.763.000</b>
- Chi phí hoạt động phi công trình:	9.063.820.000	6.104.524.000
- Chi phí đầu tư xây dựng công trình:	22.246.872.738	21.858.397.000
- Thiết bị:	3.197.810.000	3.197.810.000
- Quản lý dự án:	2.182.185.000	2.182.185.000
- Chi phí khác:	2.716.114.000	2.319.847.000
- Dự phòng:	1.424.069.262	0

*(Chi tiết theo Phụ lục số I đính kèm)*

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 6.104.524.000 đồng *(chi phí hoạt động phi công trình)*.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Tiểu dự án thuộc chủ đầu tư quản lý		Tiểu dự án giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
<b>Tổng số</b>	<b>0</b>		<b>29.558.239.000</b>	
1. Tài sản cố định	0		29.558.239.000	
2. Tài sản lưu động	0		0	

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không có

**Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan**

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư của tiểu dự án là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>35.662.763.000</b>	
- Vốn vay WB	31.586.571.000	
- Ngân sách tỉnh	4.076.192.000	

- Tình hình công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

Trong đó:     - Nợ phải thu:                 49.201.000 đồng  
                   - Nợ phải trả:                 463.300.000 đồng

(Chi tiết theo Phụ lục số II kèm theo)

- Nguồn vốn thanh toán công nợ của tiểu dự án: thu hồi giá trị thanh toán vượt 49.201.000 đồng (vốn WB) và sử dụng kế hoạch vốn năm 2019 là 82.159.000 đồng để thanh toán phần vốn vay WB còn phải trả là 131.360.000 đồng; trình cấp thẩm quyền bố trí bổ sung từ ngân sách tỉnh là 331.940.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
UBND các xã: Đức Hiệp, Đức Nhuận, Đức Thắng huyện Mộ Đức; Phổ Minh, Phổ Vinh, Phổ Quang huyện Đức Phổ; Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Thiện, Hành Thịnh huyện Nghĩa Hành	29.558.239.000	

(Chi tiết theo Phụ lục số III kèm theo)

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chủ đầu tư) có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 185/BC-STC ngày 11/9/2019 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành; Chủ tịch UBND các xã: Đức Hiệp, Đức Nhuận, Đức Thắng huyện Mộ Đức; Phổ Minh, Phổ Vinh, Phổ Quang huyện Đức Phổ; Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Thiện, Hành Thịnh huyện Nghĩa Hành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NN), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(TV313).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tăng Bính**

PHỤ LỤC SỐ I

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN  
**Tiểu dự án Hợp phần 3 "Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" tỉnh Quảng Ngãi**  
**thuộc Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5)**

(Kèm theo Quyết định số: 1343/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

*Đơn vị tính: đồng*

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán
<b>I</b>	<b>Chi phí hoạt động phi công trình</b>	<b>9,063,820,000</b>	<b>6,104,524,000</b>	<b>6,104,524,000</b>	<b>-2,959,296,000</b>
1	Chi phí tập huấn về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM) cho cấp huyện	77,550,000	77,310,000	77,310,000	-240,000
2	Đào tạo, tập huấn về giám sát và đánh giá (M&E cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật và cán bộ chủ chốt cấp huyện)	49,890,000	35,820,000	35,820,000	-14,070,000
3	Tập huấn về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật, tuyên truyền viên cấp xã và nhóm cộng đồng	633,270,000	522,518,000	522,518,000	-110,752,000
4	Chi phí tập huấn về giám sát và đánh giá (M&E) cho nhóm HTKT và TTV cấp xã	192,300,000	46,608,000	46,608,000	-145,692,000
5	Chi phí tập huấn sơ cứu cho nhóm cộng đồng	785,000,000	655,279,000	655,279,000	-129,721,000
6	Chi phí tập huấn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai tại 10 xã	1,084,400,000	960,140,000	960,140,000	-124,260,000

7	Chi phí tổ chức đánh giá RRTT dựa vào cộng đồng cấp xã	852,900,000	786,570,000	786,570,000	-66,330,000
8	Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã và lồng ghép vào kế hoạch phát triển KT-XH của xã	85,650,000	33,920,000	33,920,000	-51,730,000
9	Cập nhật kế hoạch phòng, chống thiên tai hằng năm cho 10 xã trong vùng dự án	504,700,000	0	0	-504,700,000
10	Hợp đồng in ấn tài liệu truyền thông cho TDA Hợp phần 3 dự án WB5	229,000,000	229,000,000	229,000,000	0
10	Chi phí tập huấn kỹ năng truyền thông phòng, chống thiên tai cho nhóm HTKT, TTV 10 xã	93,750,000	59,550,000	59,550,000	-34,200,000
11	Chi phí tập huấn về giáo dục phòng, chống thiên tai và thích ứng BĐKH cho giáo viên 10 xã	93,750,000	59,550,000	59,550,000	-34,200,000
12	Truyền thông qua các cuộc họp nhóm	195,960,000	94,380,000	94,380,000	-101,580,000
13	Chi phí tổ chức hội thi văn nghệ, sân khấu hóa truyền thông PCTT tại cộng đồng	144,600,000	124,800,000	124,800,000	-19,800,000
14	Chi phí rung chuông vàng và sân khấu hóa truyền thông về PCTT-TDA Hợp phần 3	197,400,000	145,280,000	145,280,000	-52,120,000
15	Chi phí lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu và tiết học ngoại khóa	38,400,000	32,300,000	32,300,000	-6,100,000

16	Hợp đồng chi phí truyền thông nhóm nhỏ về PCTT và BDKH tại trường học	44,400,000	37,260,000	37,260,000	-7,140,000
17	Tập huấn cho nhóm HTKT cấp xã, nhóm cộng đồng về " Cộng đồng ứng phó thảm họa"	843,600,000	558,348,000	558,348,000	-285,252,000
18	Chi phí diễn tập PCTT cấp xã	2,400,000,000	1,617,041,000	1,617,041,000	-782,959,000
19	Hỗ trợ cập nhật và vận hành hệ thống M&E cho 10 xã	194,400,000	0	0	-194,400,000
20	Chi phí khởi động dự án Hợp phần 3	29,750,000	28,850,000	28,850,000	-900,000
21	Hội thảo giữa kỳ	29,750,000	0	0	-29,750,000
22	Hội thảo cuối kỳ	64,350,000	0	0	-64,350,000
23	Tổ chức diễn đàn ngày Phòng chống thiên tai Việt Nam tại 3 huyện	199,050,000	0	0	-199,050,000
<b>II</b>	<b>Chi phí đầu tư xây dựng công trình</b>	<b>22,246,872,738</b>	<b>21,858,397,000</b>	<b>21,858,397,000</b>	<b>-388,475,738</b>
<b>A</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>20,263,776,000</b>	<b>19,964,390,000</b>	<b>19,964,390,000</b>	<b>-299,386,000</b>
<b>a</b>	<b>Gói thầu số C3-QNg-16</b>	<b>6,410,685,000</b>	<b>6,222,999,000</b>	<b>6,222,999,000</b>	<b>-187,686,000</b>
1	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát	4,247,577,000	4,114,734,000	4,114,734,000	-132,843,000
2	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phùng Hưng	2,163,108,000	2,108,265,000	2,108,265,000	-54,843,000
<b>b</b>	<b>Gói thầu số C3-QNg-11</b>	<b>5,580,158,000</b>	<b>5,538,764,000</b>	<b>5,538,764,000</b>	<b>-41,394,000</b>
<b>c</b>	<b>Gói thầu số C3-QNg-12</b>	<b>8,272,933,000</b>	<b>8,202,627,000</b>	<b>8,202,627,000</b>	<b>-70,306,000</b>
<b>B</b>	<b>Chi phí tư vấn</b>	<b>1,399,923,148</b>	<b>1,388,562,000</b>	<b>1,388,562,000</b>	<b>-11,361,148</b>

1	Khảo sát, lập Báo cáo KTKT các công trình phòng, chống thiên tai qui mô nhỏ, huyện Mộ Đức	264,000,000	262,181,000	262,181,000	-1,819,000
2	Giám sát thi công công trình phòng chống thiên tai huyện Mộ Đức	161,419,717	160,318,000	160,318,000	-1,101,717
3	Lập HSMT xây lắp công trình phòng chống thiên tai huyện Mộ Đức và Nghĩa Hành	14,797,595	14,700,000	14,700,000	-97,595
4	Khảo sát, lập Báo cáo KTKT các công trình phòng, chống thiên tai qui mô nhỏ, huyện Nghĩa Hành	310,000,000	308,609,000	308,609,000	-1,391,000
5	Giám sát thi công công trình phòng chống thiên tai huyện Nghĩa Hành	209,853,190	208,925,000	208,925,000	-928,190
6	Khảo sát, lập Báo cáo KTKT các công trình phòng, chống thiên tai qui mô nhỏ, huyện Đức Phổ	247,000,000	246,711,000	246,711,000	-289,000
7	Giám sát thi công công trình phòng chống thiên tai huyện Đức Phổ	162,666,557	162,508,000	162,508,000	-158,557
8	Lập HSMT xây lắp công trình phòng chống thiên tai huyện Đức Phổ	6,189,747	6,100,000	6,100,000	-89,747
9	Đánh giá HSDT các gói thầu xây lắp TDA HP3	23,996,342	18,510,000	18,510,000	-5,486,342
<b>C</b>	<b>Chi khác</b>	<b>583,173,590</b>	<b>505,445,000</b>	<b>505,445,000</b>	<b>-77,728,590</b>



1	Thẩm định Báo cáo KTKT, dự toán và thiết kế bản vẽ thi công các công trình phòng chống thiên tai huyện Đức Phổ, Nghĩa Hành, Mộ Đức	62,593,718	49,642,000	49,642,000	-12,951,718
2	Thẩm định HSMT và kết quả đánh giá HSDT	20,368,042	19,546,000	19,546,000	-822,042
3	Kiểm toán quyết toán công trình	346,358,000	340,192,000	340,192,000	-6,166,000
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	153,853,830	96,065,000	96,065,000	-57,788,830
<b>III</b>	<b>Chi phí thiết bị</b>	<b>3,197,810,000</b>	<b>3,197,810,000</b>	<b>3,197,810,000</b>	<b>0</b>
<b>a</b>	<b>Gói thầu số C3-QNg-2</b>	<b>1,913,910,000</b>	<b>1,913,910,000</b>	<b>1,913,910,000</b>	<b>0</b>
1	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Tin học QSC	835,700,000	835,700,000	835,700,000	0
2	Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư thiết bị 7	1,078,210,000	1,078,210,000	1,078,210,000	0
<b>b</b>	<b>Gói thầu số C2-QNg-3</b>	<b>1,283,900,000</b>	<b>1,283,900,000</b>	<b>1,283,900,000</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>2,182,185,000</b>	<b>2,182,185,000</b>	<b>2,182,185,000</b>	<b>0</b>
<b>V</b>	<b>Chi khác</b>	<b>2,716,114,000</b>	<b>2,319,847,000</b>	<b>2,319,847,000</b>	<b>-396,267,000</b>
1	Tư vấn cá nhân hỗ trợ hợp phần 3	1,038,114,000	685,127,000	685,127,000	-352,987,000
2	20 tuyên truyền viên làm việc chuyên trách	1,678,000,000	1,634,720,000	1,634,720,000	-43,280,000
<b>VI</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>1,424,069,262</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-1,424,069,262</b>
<b>VII</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>40,830,871,000</b>	<b>35,662,763,000</b>	<b>35,662,763,000</b>	<b>-5,168,108,000</b>

**PHỤ LỤC SỐ II**  
**BẢNG CÔNG NỢ**

**Tiểu dự án Hợp phần 3 "Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" tỉnh Quảng Ngãi**

( Kèm theo Quyết định số: 1343/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn cấp cho dự án		Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Thực hiện giải ngân	Thu hồi nộp vào tài khoản tạm giữ Thanh tra tỉnh	Phải thu (-)	Phải trả (+)
<b>I</b>		<b>Chi phí hoạt động phi công trình</b>	<b>6,104,524,000</b>	<b>5,973,164,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>131,360,000</b>
1	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Chi phí tập huấn về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM) cho cấp huyện	77,310,000	77,310,000	0	0	0
2	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Đào tạo, tập huấn về giám sát và đánh giá (M&E cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật và cán bộ chủ chốt cấp huyện)	35,820,000	35,820,000	0	0	0
3	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Tập huấn về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật, tuyên truyền viên cấp xã và nhóm cộng đồng	522,518,000	522,518,000	0	0	0

4	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Chi phí tập huấn về giám sát và đánh giá (M&E) cho nhóm HTKT và TTV cấp xã	46,608,000	46,608,000	0	0	0
5	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Chi phí tập huấn sơ cứu cho nhóm cộng đồng	655,279,000	655,279,000	0	0	0
6	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Chi phí tập huấn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai tại 10 xã	960,140,000	960,140,000	0	0	0
7	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Chi phí tổ chức đánh giá RRTT dựa vào cộng đồng cấp xã	786,570,000	786,570,000	0	0	0
8	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã và lồng ghép vào kế hoạch phát triển KT-XH của xã	33,920,000	33,920,000	0	0	0
9	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Hợp đồng in ấn tài liệu truyền thông cho TDA Hợp phần 3 dự án WB5	229,000,000	97,640,000	0	0	131,360,000
10	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Chi phí tập huấn kỹ năng truyền thông phòng, chống thiên tai cho nhóm HTKT, TTV 10 xã	59,550,000	59,550,000	0	0	0
11	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Chi phí tập huấn về giáo dục phòng, chống thiên tai và thích ứng BĐKH cho giáo viên 10 xã	59,550,000	59,550,000	0	0	0

12	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Truyền thông qua các cuộc họp nhóm	94,380,000	94,380,000	0	0	0
13	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Chi phí tổ chức hội thi văn nghệ, sân khấu hóa truyền thông PCTT tại cộng đồng	124,800,000	124,800,000	0	0	0
14	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Chi phí rung chuông vàng và sân khấu hóa truyền thông về PCTT-TDA Hợp phần 3	145,280,000	145,280,000	0	0	0
15	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Chi phí lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu và tiết học ngoại khóa	32,300,000	32,300,000	0	0	0
16	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Hợp đồng chi phí truyền thông nhóm nhỏ về PCTT và BDKH tại trường học	37,260,000	37,260,000	0	0	0
17	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Tập huấn cho nhóm HTKT cấp xã, nhóm cộng đồng về " Cộng đồng ứng phó thảm họa"	558,348,000	558,348,000	0	0	0
18	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Chi phí diễn tập PCTT cấp xã	1,617,041,000	1,617,041,000	0	0	0
19	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Chi phí khởi động dự án Hợp phần 3	28,850,000	28,850,000	0	0	0
<b>II</b>		<b>Chi phí đầu tư xây dựng công trình</b>	<b>21,858,397,000</b>	<b>21,666,994,000</b>	<b>-91,336,000</b>	<b>-49,201,000</b>	<b>331,940,000</b>
<b>A</b>		<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>19,964,390,000</b>	<b>20,099,179,000</b>	<b>-85,588,000</b>	<b>-49,201,000</b>	<b>0</b>

1	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát	Gói thầu số C3-QNg-16	4,114,734,000	4,130,691,000	-7,311,000	-8,646,000	0
2	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phùng Hưng	Gói thầu số C3-QNg-16	2,108,265,000	2,115,632,000	0	-7,367,000	0
3	Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng Tân Thành Đô	Gói thầu số C3-QNg-11	5,538,764,000	5,579,923,000	-41,159,000	0	0
4	Công ty TNHH Lộc Thiên	Gói thầu số C3-QNg-12	8,202,627,000	8,272,933,000	-37,118,000	-33,188,000	0
<b>B</b>		<b>Chi phí tư vấn</b>	<b>1,388,562,000</b>	<b>1,394,310,000</b>	<b>-5,748,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Minh Trung	Khảo sát, lập Báo cáo KTKT các công trình phòng, chống thiên tai qui mô nhỏ, huyện Mộ Đức	262,181,000	264,000,000	-1,819,000	0	0
2	Công ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng Minh Khoa	Giám sát thi công công trình phòng chống thiên tai huyện Mộ Đức	160,318,000	161,400,000	-1,082,000	0	0
3	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Trung Long	Lập HSMT xây lắp công trình phòng chống thiên tai huyện Mộ Đức và Nghĩa Hành	14,700,000	14,700,000	0	0	0
4	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phúc Yên	Khảo sát, lập Báo cáo KTKT các công trình phòng, chống thiên tai qui mô nhỏ, huyện Nghĩa Hành	308,609,000	310,000,000	-1,391,000	0	0
5	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Khánh Phong	Giám sát thi công công trình phòng chống thiên tai huyện Nghĩa Hành	208,925,000	209,900,000	-975,000	0	0

6	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Trung Long	Khảo sát, lập Báo cáo KTKT các công trình phòng, chống thiên tai qui mô nhỏ, huyện Đức Phổ	246,711,000	247,000,000	-289,000	0	0
7	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Công Trình	Giám sát thi công công trình phòng chống thiên tai huyện Đức Phổ	162,508,000	162,700,000	-192,000	0	0
8	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Trung Long	Lập HSMT xây lắp công trình phòng chống thiên tai tại huyện Đức Phổ	6,100,000	6,100,000	0	0	0
9	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Đánh giá HSDT các gói thầu xây lắp TDA HP3	18,510,000	18,510,000	0	0	0
<b>C</b>		<b>Chi khác</b>	<b>505,445,000</b>	<b>173,505,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>331,940,000</b>
1	Sở Xây dựng Quảng Ngãi	Thẩm định Báo cáo KTKT, dự toán và thiết kế bản vẽ thi công các công trình phòng chống thiên tai huyện Đức Phổ, Nghĩa Hành, Mộ Đức	49,642,000	49,642,000	0	0	0
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi	Thẩm định HSMT và kết quả đánh giá HSDT	19,546,000	19,546,000	0	0	0
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC	Kiểm toán quyết toán công trình	340,192,000	104,317,000	0	0	235,875,000
4	Sở Tài chính Quảng Ngãi	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	96,065,000	0	0	0	96,065,000
<b>III</b>		<b>Chi phí thiết bị</b>	<b>3,197,810,000</b>	<b>3,197,810,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

1	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Tin học QSC	Gói thầu số C3-QNg-2	835,700,000	835,700,000	0	0	0
2	Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư thiết bị 7	Gói thầu số C3-QNg-2	1,078,210,000	1,078,210,000	0	0	0
3	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Tin học QSC	Gói thầu số C2-QNg-3	1,283,900,000	1,283,900,000	0	0	0
<b>IV</b>		<b>Chi phí Quản lý dự án</b>	<b>2,182,185,000</b>	<b>2,182,185,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	Quản lý dự án	2,182,185,000	2,182,185,000	0	0	0
<b>V</b>		<b>Chi khác</b>	<b>2,319,847,000</b>	<b>2,319,847,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nguyễn Hoàng Sung	Tư vấn cá nhân hỗ trợ hợp phần 3	685,127,000	685,127,000	0	0	0
2	Ban Quản lý dự án quản lý thiên tai tỉnh Quảng Ngãi	20 tuyên truyền viên làm việc chuyên trách	1,634,720,000	1,634,720,000	0	0	0
<b>VI</b>	<b>Tổng cộng</b>		<b>35,662,763,000</b>	<b>35,340,000,000</b>	<b>-91,336,000</b>	<b>-49,201,000</b>	<b>463,300,000</b>

**PHỤ LỤC SỐ III**  
**BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI SẢN BÀN GIAO**

**Tiểu dự án Hợp phần 3 "Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" tỉnh Quảng Ngãi**  
**thuộc Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5)**

*(Kèm theo Quyết định số: 1343/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

<b>STT</b>	<b>Tên và ký hiệu tài sản</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Đơn vị tiếp nhận sử dụng</b>
1	Trường Mầm non xã Đức Nhuận	1	2,821,966,000	UBND xã Đức Nhuận
2	Nhà cộng đồng phòng chống thiên tai đa mục tiêu xã Đức Thắng	1	2,727,590,000	UBND xã Đức Thắng
3	Đường tránh lũ liên thôn xã Đức Hiệp	1	2,825,876,000	UBND xã Đức Hiệp
4	Trường Mầm non xã Hành Thịnh	1	2,758,988,000	UBND xã Hành Thịnh
5	Trường Mầm non xã Hành Thiện	1	3,477,891,000	UBND xã Hành Thiện
6	Trường Mầm non xã Hành Tín Đông	1	3,524,443,000	UBND xã Hành Tín Đông
7	Nhà cộng đồng phòng chống thiên tai đa mục tiêu xã Hành Tín Tây	1	2,295,833,000	UBND xã Hành Tín Tây
8	Trường Mầm non xã Phổ Minh	1	2,943,235,000	UBND xã Phổ Minh
9	Trường Mầm non xã Phổ Quang	1	3,105,404,000	UBND xã Phổ Quang
10	Trường Mầm non xã Phổ Vinh	1	3,077,013,000	UBND xã Phổ Vinh
<b>Tổng nguyên giá</b>			<b>29,558,239,000</b>	